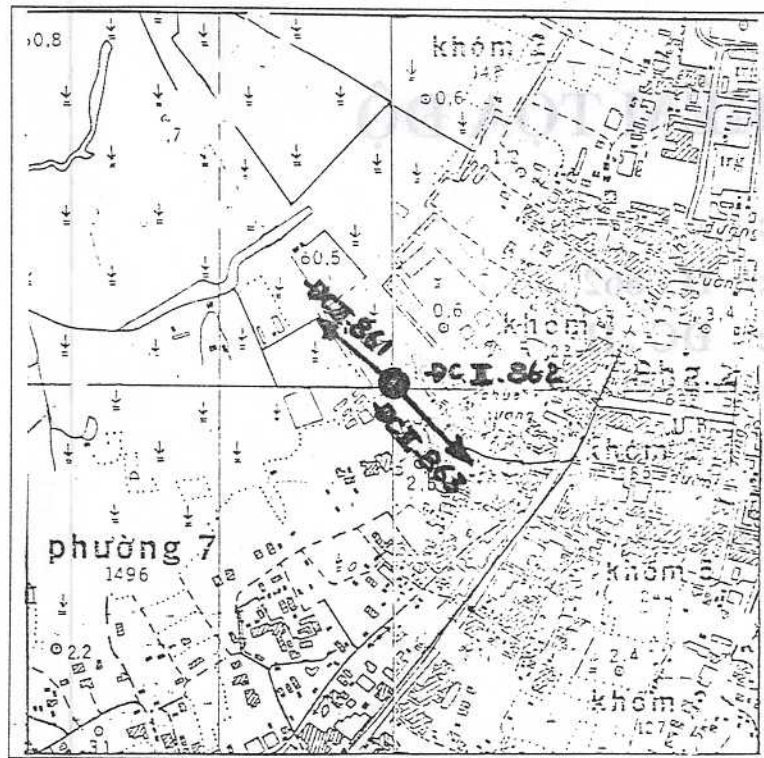


GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm : Số hiệu : II - 862 Mảnh bản đồ : C - 48 - 81 - B
 Phương pháp đo : Đường chuyền Cấp, hạng : ĐC. II
 Trị giá khái lược : Độ cao : 1 m Kinh độ : $106^{\circ} 20' . 0$
 Loại đất : Đất công Chất đất : Thít Vĩ độ : $9^{\circ} 56' . 0$
 Nơi đặt mốc : Khóm 8 Phường : 7
 Thị xã : Trà Vinh Tỉnh : Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất : Khóm 8, Phường 7 Khoảng cách tới điểm : 0,1 Km
 Người chọn : Dương Văn Thịnh Đơn vị chọn : XN Trắc địa 301 - XNLH Trắc địa bản đồ số 3
 Ngày 23 tháng 10 năm 1995
 Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ : 1/10.000

Số liệu đo mốc (mm)

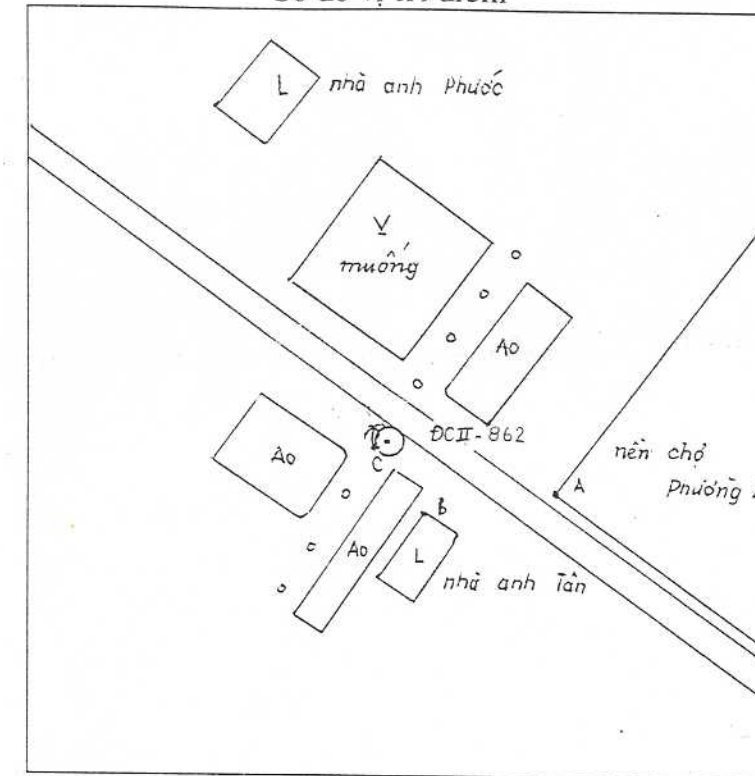
Từ ván dọi điểm đến :	Lần 1	Lần 2	TB	Chiều cao các tầng mốc
Đáy hố				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Điểm thông hướng
 (Tên, số hiệu, cấp hạng
 điểm liên quan mà từ mặt
 đất điểm trạm đo thông suốt
 tới điểm liên quan)

Điểm :
 ĐC II - 861
 ĐC II - 863

Họ, tên, địa chỉ người
 dẫn đường :
 Anh Tân
 Khóm : 8
 Phường : 7
 Thị xã : Trà Vinh
 Tỉnh : Trà Vinh

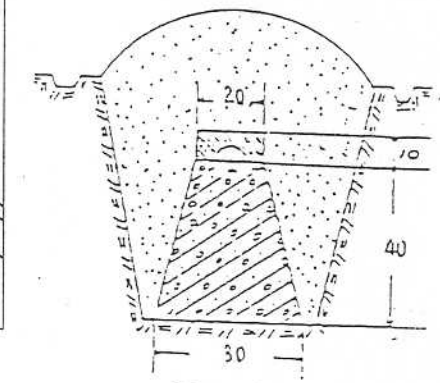
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ : 1/1000

Đơn vị chôn mốc :
 XN Trắc địa 301

Người chôn mốc :
 Nguyễn Viết Trục
 Loại mốc : Mốc chôn một tầng
 Ngày 26 tháng 10 năm 1995
 Hình vẽ mặt cắt mốc
 (Đơn vị cm)



V/v	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc chợ	Hướng Đông Nam 21.8 m
B	Góc nhà	Hướng Đông Nam 9.6 m
C	Cây dừa	Hướng Tây Nam 1.4 m

Điểm này : Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm : Số hiệu :

Cấp, hạng :

Điểm này đo nổi độ cao bằng : Đo cao lượng giác

Cấp, hạng : Kỹ thuật

Đường đi đến điểm : (Đường ô tô, sắt, thủy, số Km) :

Từ bến xe Thị xã Trà Vinh hỏi ra chợ Phường 2 khoảng 1.5 Km là đến điểm.

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm :

Ngày 28 tháng 12 năm 1995

Ngày 05 tháng 01 năm 1996

Người làm ghi chú điểm

Người kiểm tra

Nguyễn Viết Trục

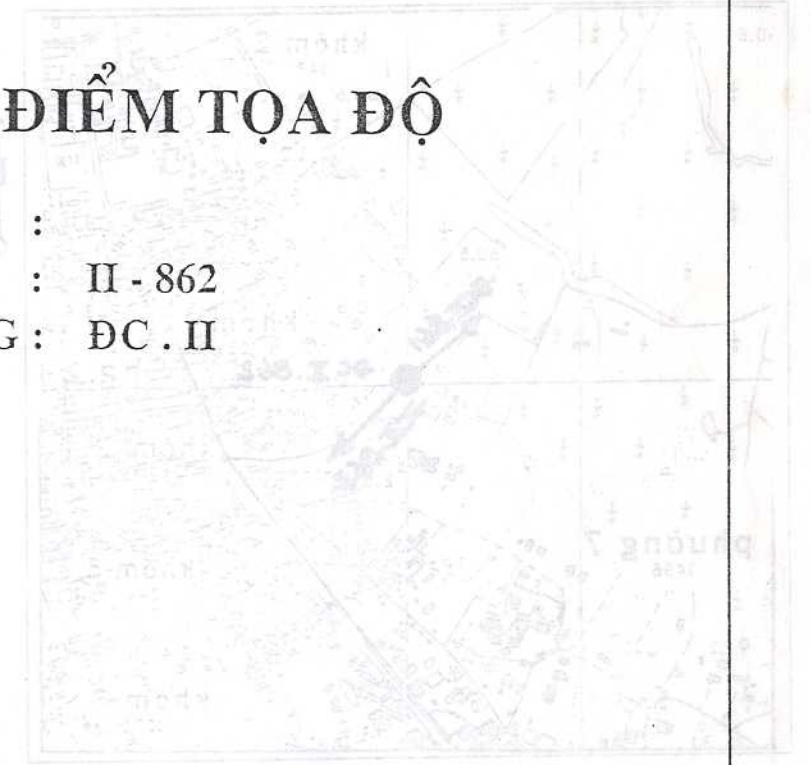
Đỗ Phi Hạnh

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Tên điểm : Số hiệu : II - 862
Phương pháp đo : Cao độ
Trình khai thác :
Loại đất : Đất trồng
Mô đất mìn : Đất trồng
Tỉnh : Tỉnh
Xã : Xã
Thị trấn : Thị trấn
Ngày 13 tháng 10 năm 1995
Kính độ :
Cấp, hạng :
Điểm thông hướng

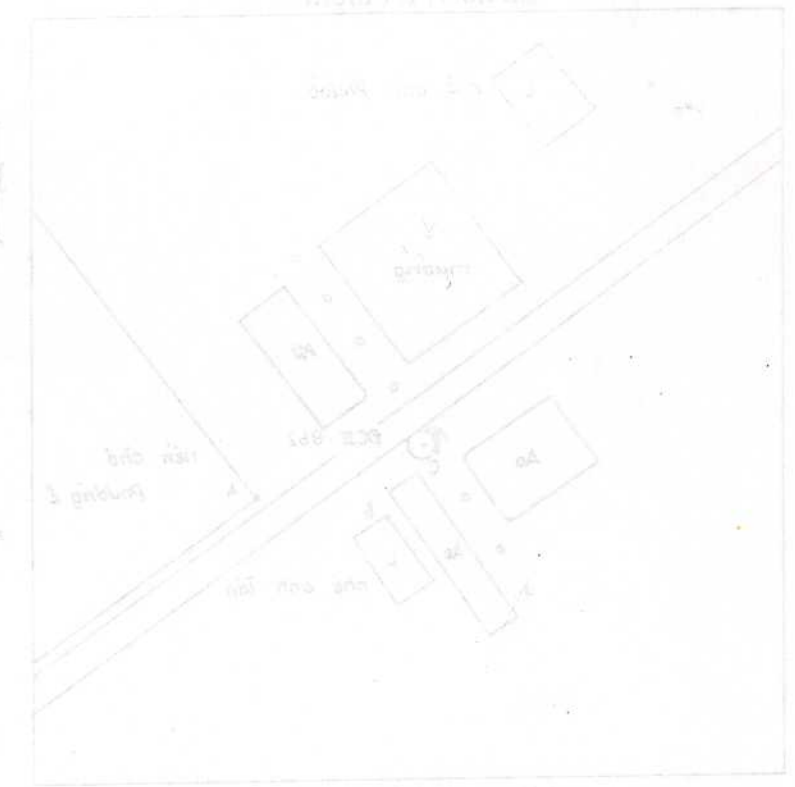
GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
SỐ HIỆU : II - 862
CẤP, HẠNG : ĐC . II



Tên đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường
Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường	Đơn vị đo lường

NĂM 1995



Vị	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc ch	21 m
B	Góc n	9 m
C	Góc d	1 m

Điểm này : Tên chung mốc cũ, giữ cố, chôn trong mốc
Tên điểm : Số hiệu :
Điểm này do nối độ cao bằng : Độ cao bằng gốc
Đường từ điểm : Đường 0,00, sát thủy số 1
Tỷ lệ : Tỷ lệ 1/10.000
Cấp, hạng : Cấp, hạng : K2, mức
Ngày 03 tháng 01 năm 1995
Người kiểm tra :
Đã kiểm tra :
Ngày 28 tháng 12 năm 1995
Người làm thí nghiệm :
Ngày 28 tháng 12 năm 1995
Người viết báo :
Ngày 28 tháng 12 năm 1995